

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Năm 2016 thực sự là một thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam bởi những vấn đề nội tại còn ngổn ngang trong khi diễn biến quốc tế xảy ra bất thường, khó đoán; Theo như ủy ban tài chính giám sát quốc gia, bất chấp khó khăn và thách thức, Việt Nam tiếp tục đảm bảo và duy trì cân đối vĩ mô, lạm phát cơ bản chỉ ở mức 1.8%, lạm phát chung chỉ ở mức 4%. Tăng trưởng kinh tế năm 2016 đã được hỗ trợ tích cực từ hệ thống tài chính, với tổng nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế tăng 15.7% so với năm 2015 tương đương 170% GDP.

Theo Văn phòng Thống kê Trung ương, trong năm 2016 tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm đạt 6.2%, giảm 0.5% so với năm 2015. Đây là lần đầu tiên trong 4 năm, Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm kinh tế; tuy vậy, vẫn có những điểm sáng trong năm 2016.

Với kết quả ước năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam dự kiến đạt 349.2 tỷ USD, tăng 6.6% so với năm 2015. Trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu 12 tháng của năm 2016 ước đạt 175.94 tỷ USD, tăng 8.6%, và tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 173.26 tỷ USD, tăng 4.6%. Tính chung cả năm 2016, Việt Nam dự kiến xuất siêu 2.68 tỷ USD, ngược lại với xu hướng nhập siêu lên tới 3.55 tỷ USD của năm 2015.

Môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong năm nay. Theo Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2016 do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho thấy, xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam 2016 tăng tới 9 bậc, xếp thứ 82/189 quốc gia được xếp hạng. Trong đó, Chỉ số bảo vệ nhà đầu tư thiếu số tăng tới 31 bậc; Chỉ số nộp thuế của Việt Nam đã tăng 5 bậc, từ vị trí 173/189 lên vị trí 168/189.

Trong một thời gian ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Theo một thông tin có khoảng gần 200 dây chuyền tân dược và gần 100 dây chuyền Đông dược. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại cũng như tiềm lực tài chính vô cùng lớn đang đầu tư vào Việt Nam như Abbot My mua Glomes, mua Domexco Đồng Tháp; tập đoàn tài chính FIT mua Cừu Long; Taico Nhật mua một phần Dược Hậu Giang ... Sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài càng làm cho sự cạnh tranh thêm khốc liệt.

Năm 2016 là năm rất khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng nói riêng: Lãi suất Ngân hàng, chi phí đầu vào đều ở mức cao, cạnh tranh gay gắt, nhiều doanh nghiệp có lượng hàng hóa tồn kho cao. Thực tế nhiều DN làm ăn kém hiệu quả, suy thoái, phá sản. Nhiều DN giữ được không lỗ và đủ việc làm cho người lao động cũng là rất thành công.

Đối với Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng cũng gặp phải nhiều khó khăn kể trên và nhiều vấn đề không thuận lợi khác như: Trong lĩnh vực kinh doanh dược phẩm do chính sách thay đổi liên tục của Bộ Y tế về lĩnh vực kinh doanh đấu thầu thuốc, đăng ký sản phẩm thuốc và quy định các quỹ thuốc phải đạt nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP tạo rất nhiều khó khăn cho Công ty, thực tế Công ty đã nỗ lực cố gắng để sản xuất kinh doanh có đủ việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, làm tròn trách nhiệm với Nhà nước với cổ đông và người lao động cùng các khoản nộp Ngân

sách đầy đủ

Khó khăn nhưng chúng ta không có con đường nào khác ngoài chuyện phải vượt qua. Tôi hi vọng các cổ đông đồng lòng để hướng tới những tầm cao mới trong tương lai. Đại diện HĐQT, Tôi cũng hứa với các cổ đông kiểm soát chặt chẽ từng đồng của Công ty để đầu tư có tổn nhưng đáng đồng tiền.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÃ KÝ

Trần Văn Huyền

TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực dược phẩm Việt Nam và xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc

SỬ MỆNH

Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư: Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

Đối với Khách hàng: Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Đối với Đối tác Kinh doanh: Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

Đối với Cộng đồng Xã hội: Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Nhân viên: Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.

MỤC LỤC

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP	7
Thông tin chung	8
Cột mốc lịch sử	9
Ngành nghề kinh doanh	11
Địa bàn kinh doanh	11
Cơ cấu bộ máy quản lý	12
Mô hình quản trị	13
Định hướng phát triển	14
Rủi ro	15
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	18
Tình hình hoạt động kinh doanh	20
Chính sách, số lượng cán bộ công nhân viên	22
Danh sách ban lãnh đạo	24
Tình hình dự án đầu tư, thực hiện dự án	25
Tình hình tài chính	26
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	28
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	31
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	32
Tình hình tài chính	34
Những cải tiến về cơ cấu chính sách quản lý	36
Kế hoạch phát triển trong tương lai	37
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	39
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của công ty	40
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về ban Giám đốc công ty	40
Kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị	41
QUẢN TRỊ CÔNG TY	43
Hội Đồng Quản Trị	44
Ban Kiểm Soát	45
Các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, ban Kiểm Soát	45
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	46
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	54



TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Thông tin chung

Cột mốc lịch sử

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng
Tên giao dịch: Hai Phong Pharmaceutical Joint Stock Company
Mã cổ phiếu: DPH

Logo:



Địa chỉ: Số 71 Điện Biên Phủ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: 031. 3745632
Fax: 031. 3745053
Giấy đăng ký kinh doanh: số 0200140269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 30/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22/07/2014
Vốn điều lệ: 30,000,000,000
Website: <http://haipharco.com/>



CỘT MỐC LỊCH SỬ

Ngày 03/03/1961

- UBND thành phố ra quyết định số 196/TC-DC thành lập Quốc doanh Dược phẩm Hải Phòng có khoảng 120 CBCNV chức năng nhiệm vụ là bán lẻ và phân phối thuốc theo kế hoạch cho các cơ quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Năm 1963

- Xí nghiệp Dược phẩm Kiến An được thành lập với chức năng nhiệm vụ sản xuất 1 số thuốc tân dược và đông dược nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu tiêu dùng của nhân dân thành phố.

Năm 1978

- Xí nghiệp Dược phẩm được quốc doanh và đổi tên thành Công ty Dược phẩm Hải Phòng.

Năm 1980 - 1981

- Mô hình kinh tế cấp huyện các cửa hàng được đóng trên địa bàn quận- huyện - thị xã được chuyển giao cho UBND quận - huyện - thị xã quản lý.

Năm 1984

- Theo quyết định số 668/QĐ-VX ngày 23/6/1984 của UBND thành phố Hải Phòng thành lập xí nghiệp Liên Hiệp Dược Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất Công ty Dược phẩm và Xí nghiệp Dược phẩm Hải Phòng.

Ngày 26/02/1993

- Theo quyết định số 388 thành lập DNNN của Chính phủ, UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định số 536/QĐ-TCCQ thành lập Công ty CP Dược Hải Phòng (chính là Xí nghiệp Liên hợp dược Hải Phòng được đổi tên mới).

Ngày 26/03/1993

- Theo quyết định số 759/QĐ-TCCQ ngày 26/3/1993 của UBND thành phố Hải Phòng sát nhập 13 hiệu thuốc quận - huyện - thị xã vào công ty Dược Hải Phòng. Số lượng CBCNV thời này lên đến 600 người.

Cuối năm 2005

- UBND TP cho phép cổ phần hóa bộ phận chính của Công ty Dược Hải Phòng: XN SXKD dược phẩm. Ngày 01/12/2005 UBND TP Hải Phòng ra QĐ số 2785/QĐ-UBND V/v chuyển XN SXKD dược phẩm HP thuộc Công ty Dược Hải Phòng thành Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

Ngày 01/01/2006

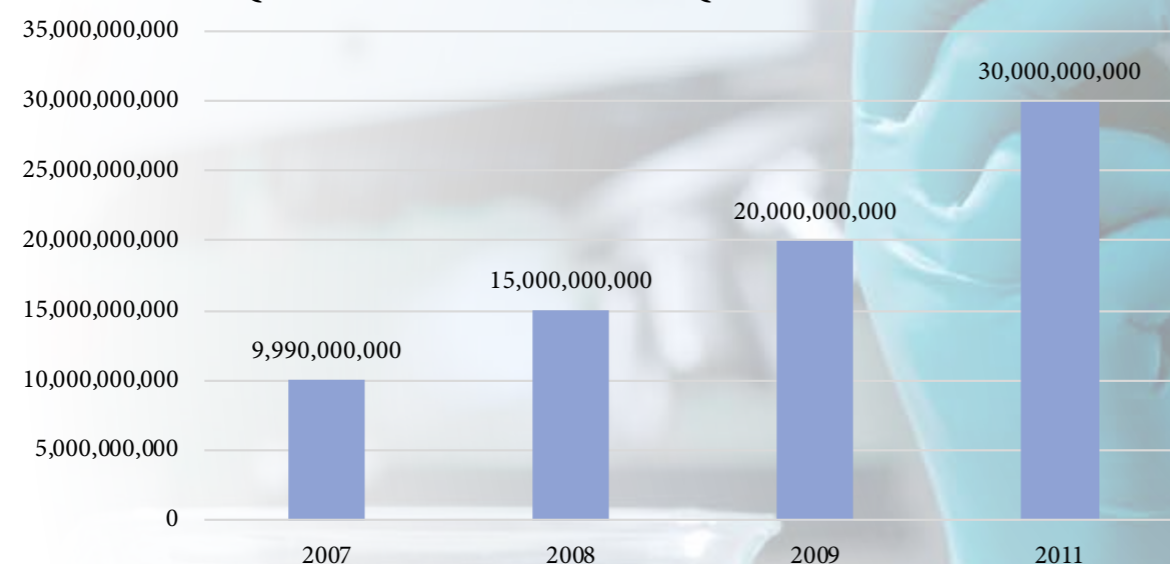
- Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng chính thức đi vào hoạt động theo Luật DN.

CỘT MỐC LỊCH SỬ

Quá trình tăng vốn:

Lần	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn	Hình thức phát hành
1	Tháng 08/2007	6,850,000,000	9,990,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
2	Tháng 07/2008	9,990,000,000	15,000,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
3	Tháng 12/2009	15,000,000,000	20,000,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
4	Tháng 08/2011	20,000,000,000	30,000,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN QUA CÁC NĂM



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

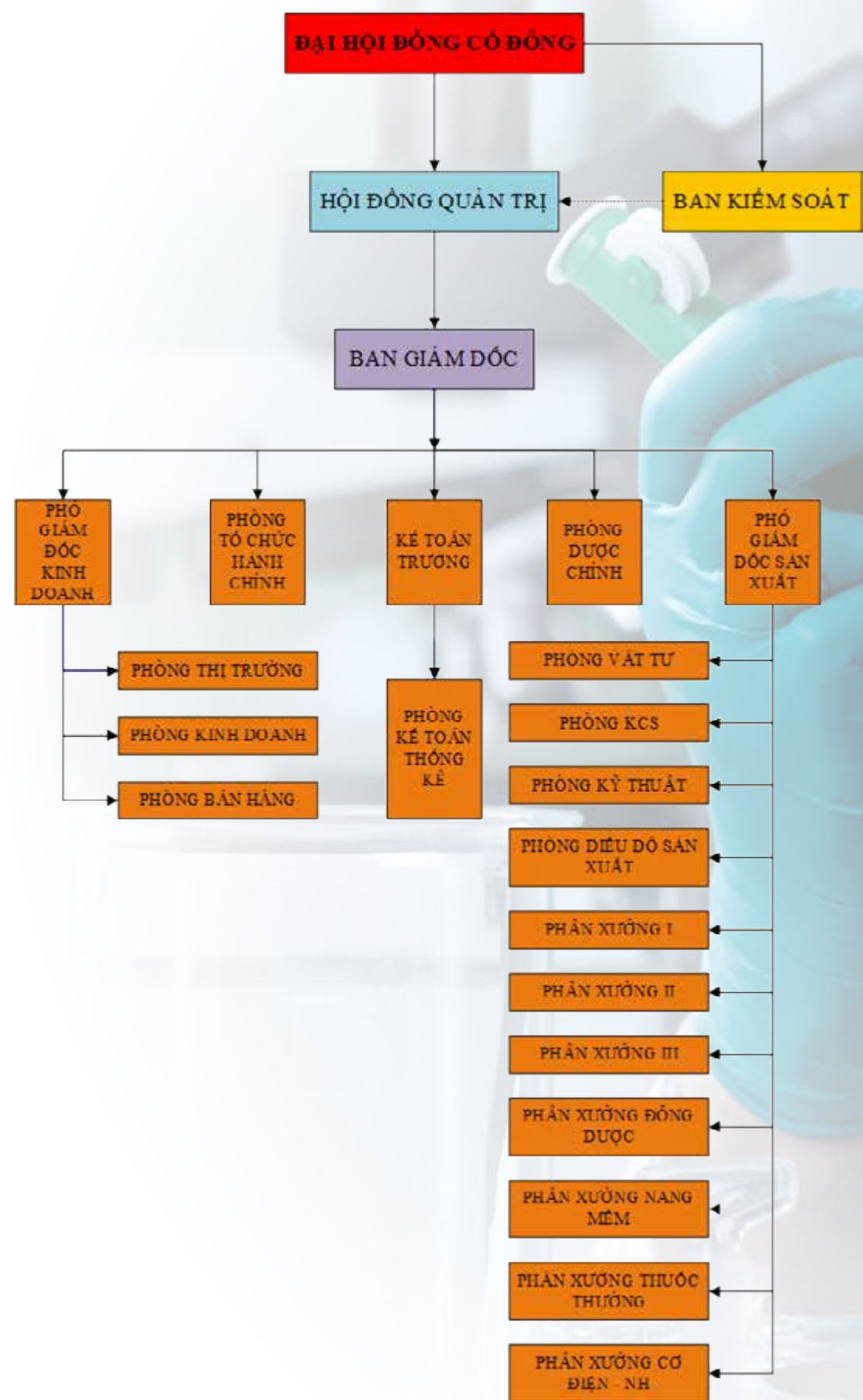
- ◆ Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- ◆ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- ◆ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- ◆ Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Bán buôn đồ uống;
- ◆ Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Bán buôn hóa chất thông thường;
- ◆ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- ◆ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- ◆ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ trong lĩnh vực y dược;
- ◆ Bán buôn thực phẩm;
- ◆ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ◆ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- ◆ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- ◆ Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- ◆ Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- ◆ Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ◆ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ◆ Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

- ◆ Hiệu thuốc Hải Phòng Số 17 Lương Khánh Thiện, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- ◆ Hiệu thuốc Thủy Nguyên Số 1 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- ◆ Hiệu thuốc An Lão Số 13 đường Trần Tất Văn, thị trấn An Lão, huyện An Lão, Hải Phòng.
- ◆ Hiệu thuốc Kiến Dương Số 19 Thọ Xuân, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng
- ◆ Hiệu thuốc Kiến An 230 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng
- ◆ Hiệu thuốc Vĩnh Bảo Số 211 Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- ◆ Chi nhánh Hà Nội Số 1 ngách 7/10, ngõ 7 Thái Hà, Phương Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hiện tại, cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Hải Phòng đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường ít nhất một năm một lần. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng có 03 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban Kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

Giám đốc:

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Ban Giám đốc gồm có Giám đốc và Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Các phòng ban:

- ◆ Phòng tổ chức – hành chính
- ◆ Phòng Kinh doanh
- ◆ Phòng thị trường
- ◆ Phòng Bán hàng
- ◆ Phòng kế toán – thống kê
- ◆ Phòng Dược chính
- ◆ Phòng Vật tư
- ◆ Phòng kỹ thuật
- ◆ Phòng điều độ sản xuất

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2016 tiếp tục là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên 2016 đã thông qua. Để thực hiện mục tiêu này, Ban lãnh đạo công ty đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2016 và các năm tiếp theo, tập trung vào một số nội dung sau: **đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn lực; đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường; triển khai công tác đầu tư phát triển và nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sản phẩm mới.**

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phát triển nguồn nhân lực

- Trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, năng lực quản lý tốt, có tài có đức và yêu nghề.
- Tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, nắm vững và thực hành tốt về các tiêu chuẩn GMP-GLP-GSP và ISO 9000.
- Có chính sách lương, thưởng hợp lý góp phần thu hút và giữ nhân tài, kích thích sáng tạo ý tưởng mới trong mọi lĩnh vực hoạt động, gia tăng năng suất lao động, đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí v.v..., nhằm gia tăng thị phần và lợi nhuận.

Hoạt động Marketing, quảng bá thương hiệu

- Tiếp tục duy trì công tác xây dựng và phát triển thương hiệu HAIPHACO thông qua các hoạt động tham gia hội chợ triển lãm, các phòng y tế quận huyện; các chương trình nhân đạo và công tác xã hội, từ thiện, v.v...
- Tiếp tục phát triển đội ngũ trình dược viên và đào tạo nhằm tăng năng lực chuyên môn cũng như trình độ nghiệp vụ liên quan đến khách hàng.
- Tiếp tục củng cố các phân khúc thị trường trọng điểm, tập trung phát triển hệ thống phân phối ở miền Bắc và miền Trung.
- Quan tâm nhiều đến trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư

- Tiếp tục phát triển các dòng thuốc kháng sinh, thuốc đặc trị và thực phẩm chức năng.
- Phát triển vườn ươm và vườn nguyên liệu để đảm bảo nguồn cung cấp và chất lượng nguyên liệu đầu vào.
- Không ngừng cải tiến chất lượng nhằm thoả mãn cao nhất cho khách hàng mục tiêu.
- Đầu tư nâng cao cơ sở vật chất kho tàng nhà xưởng và hệ thống nhà thuốc theo tiêu chuẩn GLP – GSP – GPP WHO



CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ,... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6.21% so với năm 2015 và giảm nhẹ so với năm 2015. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm liên quan đến ngành dược.

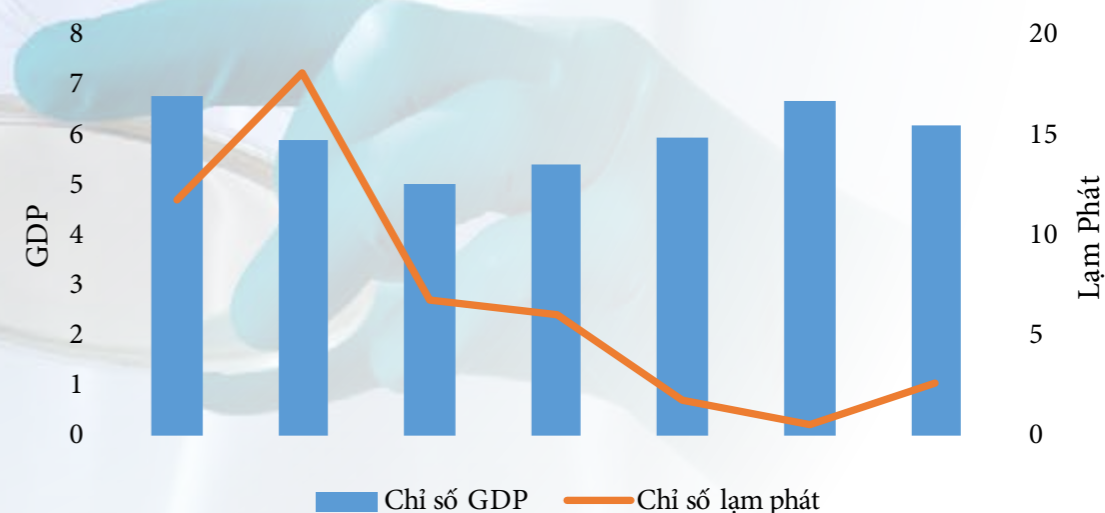
Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn 2011 đến 2014, chính phủ đã mạnh tay thực hiện các giải pháp để kiềm chế lạm phát và đã đạt được kết quả nhất định. Năm 2015, ấn định mức lạm phát của Việt Nam là 0.63, là mức lạm phát thấp nhất của Việt Nam trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam, mức lạm phát của năm 2016 là 2.66, có tăng mạnh so với năm 2014 và 2015.

Lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

CHỈ SỐ GDP VÀ LẠM PHÁT CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM



CÁC RỦI RO (tiếp)

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong một thời gian ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại cũng như tiềm lực tài chính vô cùng lớn đang đầu tư vào Việt Nam.

Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm thuốc, cải tiến công nghệ và đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, cập nhật liên tục các sản phẩm thế hệ mới nhưng giá cả hợp lý, thị trường có nhu cầu thực sự, xây dựng hệ thống phân phối uy tín, lan tỏa đến mọi nơi, đạt độ tin cậy trong giới y khoa và người tiêu dùng để có thể tồn tại và cạnh tranh trên chính thị trường

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Dược... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

RỦI RO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Theo lộ trình, đến năm 2020 Cục Quản lý Dược sẽ đưa chuẩn PISC vào tiêu chuẩn.

Hiện tại yêu cầu của sản xuất thuốc là chuẩn GMP - WHO và các cơ quan quản lý đòi hỏi làm đúng chuẩn. Trong năm, Công ty có thẩm định dây chuyền Cao nước và đã nhìn thấy rằng: Các chuyên gia của Cục Quản lý Dược làm đúng yêu cầu như GMP WHO. Chính sách của Cục đã rất rõ ràng: Muốn tiếp tục sản xuất thì phải đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của nhà máy đạt chuẩn, còn nếu không đạt thì Công ty sẽ không được quyền sản xuất nữa. Vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Mà đầu tư bài bản, sản xuất bài bản thì đầu tư rất lớn, giá thành sản phẩm cao. Theo lộ trình đến năm 2018, các cơ quan quản lý sẽ yêu cầu tách riêng sản xuất thực phẩm chức năng và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm chức năng và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Điều này xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm chức năng do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều.

Sản phẩm sản xuất của chúng ta có rất nhiều là gia công thực phẩm chức năng. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến chúng ta.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DƯỢC PHẨM

Vấn đề hàng giả, hàng nhái là một trong những thực tế đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mặc dù Luật sở hữu trí tuệ ra đời đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái cũng như lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh của ngành nhưng vẫn không giải quyết triệt để rủi ro này.

Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành dược cao hơn so với bất cứ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Bên cạnh đó, các thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro không tiêu thụ được. Hàng hóa trong lĩnh vực dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính đặc thù đó, Công ty phải có những biện pháp phù hợp cũng như khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế những rủi ro này.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do đặc thù ngành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty phải chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào. Đặc biệt, với những lĩnh vực đặc thù như ngành dược, Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về giá bán đầu ra. Chính vì thế, Công ty phải gánh chịu những rủi ro đặc thù, tiềm ẩn những biến động khó lường.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua dược liệu để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động kinh doanh

Chính sách, số lượng cán bộ công nhân viên

Danh sách ban lãnh đạo

Tình hình dự án đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



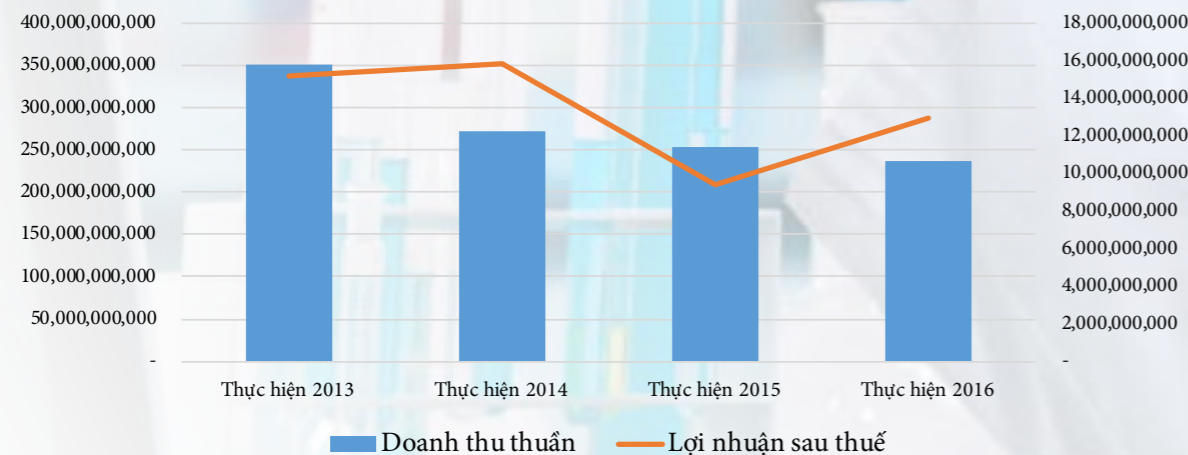
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016, nền kinh tế đã có dấu hiệu chững lại so với năm 2015 tuy nhiên chưa thực sự rõ rệt, hoạt động của Công ty cũng gặp khá nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực hết sức mình của Ban lãnh đạo Công ty trong việc đề ra những chính sách đúng đắn, cùng sự thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các công tác đầu tư, sản xuất, quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm đạt được những kết quả sau:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	TH 2016/ TH 2015
Doanh thu thuần	254,068,844,784	237,153,501,645	93.34%
Giá vốn	220,451,152,203	202,567,135,627	91.89%
Lợi nhuận gộp	33,617,692,291	34,586,366,018	102.88%
Doanh thu hoạt động tài chính	6,298,910,291	6,334,294,288	100.56%
Chi phí hoạt động tài chính	451,369,554	393,683,769	87.22%
Chi phí bán hàng	6,703,029,053	5,574,450,161	83.16%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,710,444,597	19,235,078,866	92.88%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	12,051,759,668	15,717,447,510	130.42%
Lợi nhuận khác - Tổng	61,210,159	474,798,731	775.69%
Lợi nhuận trước thuế	12,112,969,827	16,192,246,241	133.68%
Lợi nhuận sau thuế	9,386,845,304	12,928,218,845	137.73%

DOANH THU THUẦN VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(ĐVT: VNĐ)



Doanh thu và lợi nhuận sau thuế:

Do khó khăn chung của nền kinh tế đối với các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các yêu cầu thay đổi của Bộ Y Tế nói riêng, dẫn đến doanh thu có phần giảm nhẹ trong những năm gần đây. Tuy nhiên, với những đường lối hợp lý của ban Lãnh Đạo, Công ty đã có sự tăng trưởng vượt trội về lợi nhuận trong năm 2016. Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh là nhờ các đầu chi phí có sự giảm mạnh, cụ thể như giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng,

Bộ phận bán hàng sản xuất:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Thị trường	Doanh Thu năm 2016
1	Thành phố Hà Nội	40,468,000
2	Thành phố Hải Phòng	9,151,000
3	Tỉnh Thái Bình	820
4	Tỉnh Nam Định	48
5	Tỉnh Ninh Bình	1,145,000
6	Tỉnh Thanh Hoá	2,404,000
7	Tỉnh Nghệ An	654
8	Tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh	1,215,000
9	Tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng	1,446,000
10	Thành phố HCM	1,107,000
11	Tỉnh Hà Nam	103
12	Tỉnh Hải Dương	20
13	Thành phố Lạng Sơn	85
Tổng cộng		58,666

Khối hiệu thuốc:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2016	Tỷ lệ so với năm 2015
1	HT Hải Phòng	73,986,000	116%
2	HT An Lão	8,647,000	88%
3	HT Thủy Nguyên	14,167,000	98%
4	HT Kiến Dương	6,814,000	99%
5	HT Kiến An	5,289,000	105%
6	HT Vĩnh Bảo	897	89%
Tổng cộng		109,802,000	105%

CHÍNH SÁCH, SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ trọng
I	Phân theo giới tính	482	100.00%
1	Nam	195	40.46%
2	Nữ	287	59.54%
II	Phân theo trình độ học vấn	482	100.00%
1	Trên Đại học	0	0.00%
2	Đại học	83	17.22%
3	Cao đẳng	262	54.36%
4	Trung cấp	0	0.00%
5	Công nhân kỹ thuật, sơ cấp	137	28.42%
6	Lao động phổ thông	0	0.00%

Công ty đã thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội như: Ký hợp đồng lao động, thời gian làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn - bảo hiểm lao động.

Tương xứng vào đó, mức lương bình quân và thu nhập bình quân có sự tăng trưởng đáng kể qua các năm nhằm đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động.

Công tác huấn luyện:

- Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện, nâng cao tay nghề cho các bộ công nhân viên
- Các trường hợp được cử đi học các lớp chuyên môn, nghiệp vụ ngắn ngày theo đề nghị hoặc theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty sẽ được thanh toán theo quy định của Công ty

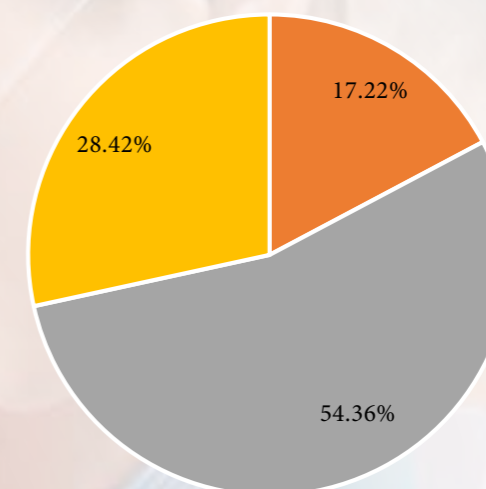
Công tác chăm lo cho đời sống nhân viên của công ty:

- Công ty đã thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các trường hợp ốm đau, hữu sự góp phần động viên tinh thần cho người lao động, thể hiện sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty đến đời sống nhân viên.
- Công ty đã động viên CBCNV tích cực ủng hộ các quỹ từ thiện do các cấp các ngành phát động gần 50 triệu đồng, tặng quà cho các cháu con CNVC-LĐ và học sinh giỏi năm học 2015-2016 gần 50 triệu đồng, tặng quà cho thương binh, con liệt sĩ nhân ngày Lễ, Tết, tặng quà nữ CNVC và trợ cấp khó khăn đột xuất cho CBCNV bị rủi ro, bệnh nặng với số tiền 24.7 triệu đồng.

Công tác tiền lương:

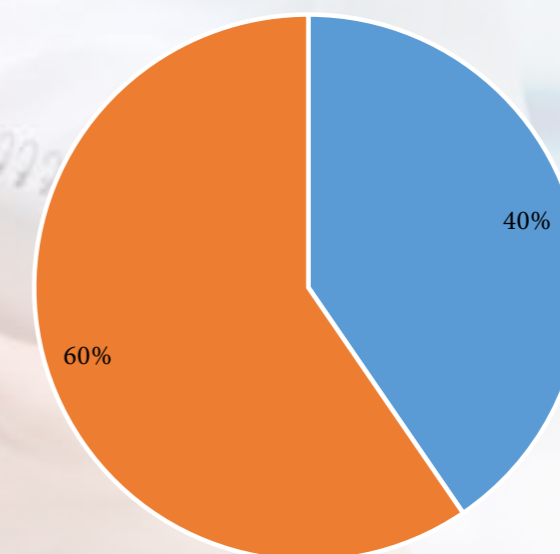
- Thực hiện Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 16/11/2015 của Chính phủ đã thực hiện điều chỉnh tháng lương cơ bản Công ty áp dụng cho năm 2016, chuyển đổi mức lương CB mới cho toàn thể nhân viên, điều chỉnh đơn giá nhân công theo thang lương cơ bản mới.

PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



- Phân theo trình độ học vấn
- Đại học
- Cao đẳng
- Công nhân kỹ thuật, sơ cấp

PHÂN THEO GIỚI TÍNH



- Nam
- Nữ

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

Ông Trần Văn Huyền - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 29/01/1961

Quê quán: Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Dược sĩ

Tổng số cổ phần nắm giữ: 1,731,715 cổ phần, chiếm 57.73% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Vẻ - Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Giám Đốc

Ngày sinh: 28/12/1962

Quê quán: Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tổng số cổ phần nắm giữ: 80,729 cổ phần, chiếm 2.69 % vốn điều lệ

Ông Trần Đức Hạnh - Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Giám Đốc

Ngày sinh: 11/11/1963

Quê quán: Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Tổng số cổ phần nắm giữ: 15,000 cổ phần, chiếm 0.5% vốn điều lệ

Ông Trần Anh Tuấn - Kế Toán Trưởng

Ngày sinh: 10/11/1980

Quê quán: Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

TÌNH HÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

- ♦ Hiện nay Công ty đã đầu tư xong và có nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO cho các dây chuyền: Thuốc nhỏ mắt nhỏ mũi, viên nén non- β -lactam, viên nang mềm và thẩm định xong dây chuyền sản xuất đông dược và thuốc dùng ngoài đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.
- ♦ Đồng thời trong năm 2016 công ty đã đầu tư lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất dịch truyền và đã ký được hợp đồng liên doanh liên kết với công ty B.BRAUN sản xuất dịch chạy thận, ngày 14/01/2017 đã thẩm định ISO 13485 và đang chờ cấp phép để đi vào hoạt động (dự kiến tháng 5/2017 đi vào hoạt động)
- ♦ Do Nhà máy của Công ty hoàn thiện GMP đi vào hoạt động chậm so với các Công ty các tỉnh (do cổ phần hóa, cơ sở sản xuất Kiến An nằm trong quy hoạch) nên chịu áp lực rất lớn của cạnh tranh và lựa chọn dòng sản phẩm.
- ♦ Hiện nay Công ty vẫn đang triển khai sản xuất khoảng 30 mặt hàng cũ và có khoảng 05 sản phẩm mới đang xin đăng ký ở Bộ Y tế, Công ty đang bổ sung tài liệu để được cấp số đăng ký.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
		2015	2016	
1	Tổng giá trị tài sản	180,514,237,581	196,473,381,836	8.84%
2	Doanh thu thuần	254,068,844,784	237,153,501,645	-6.66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12,051,759,668	15,717,447,510	30.42%
4	Lợi nhuận khác	61,210,159	474,798,731	675.69%
5	Lợi nhuận trước thuế	12,112,969,827	16,192,246,241	33.68%
6	Lợi nhuận sau thuế	9,386,845,304	12,928,218,845	37.73%
7	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	3,129.00	4,309	37.71%

STT	Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
		2015	2016	
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.82	2.11	15.96%
	Hệ số thanh toán nhanh	1.36	1.74	27.55%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.46	0.45	-2.00%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.87	0.84	-3.26%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	6.93	6.12	-11.64%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.41	1.21	-14.24%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3.69%	5.45%	47.55%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	9.70%	12.12%	24.92%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5.20%	6.58%	26.54%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	4.74%	6.63%	39.72%

Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm nay tăng từ 1.82 lên 2.11 và thanh toán nhanh tăng từ 1.36 lên 1.74 là do tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn nhanh hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn, bên cạnh đó chỉ tiêu hàng tồn kho có xu hướng giảm chứng tỏ công ty ngày càng chú ý đến công tác quản lý nợ, khả năng thanh toán khá an toàn.

Về cơ cấu vốn

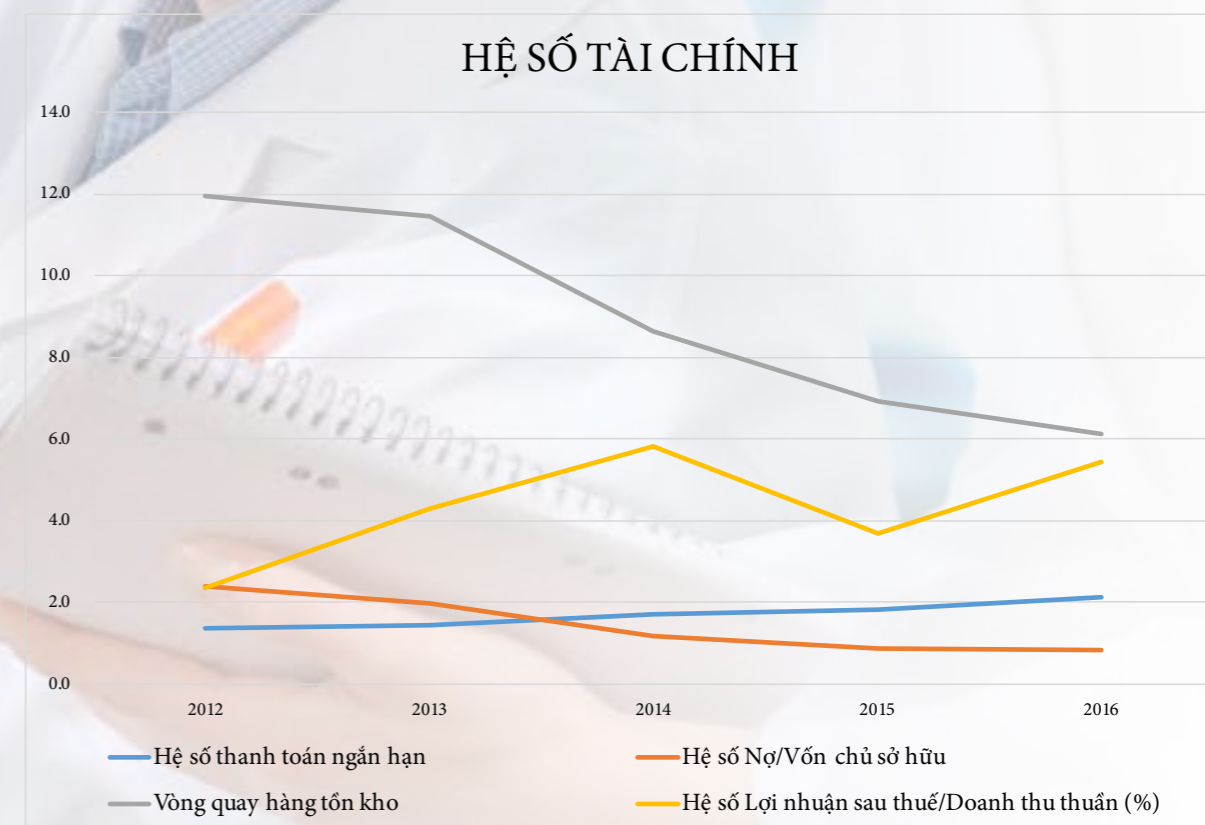
Nhìn chung, các chỉ số về cơ cấu vốn trong 2 năm không có sự thay đổi đáng kể. Năm 2016, Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ, chỉ khoảng 2% đến 4% so với năm 2015, nguyên nhân là do tài sản và vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn so với nợ phải trả

Về năng lực hoạt động

Các hệ số về năng lực hoạt động đều có thay đổi theo chiều hướng xấu hơn so với với năm trước khi Chỉ số vòng quay hàng tồn kho giảm hơn 11% và Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm 14% do tài sản tăng trong khi doanh thu thuần có xu hướng giảm

Về khả năng sinh lời

Có thể nhận thấy, các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm 2016 đều tăng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính do trong năm công ty đã thực hiện công tác quản lý chi phí khá tốt, chi phí được sử dụng hợp lý và tiết kiệm làm cho tất cả chỉ tiêu chi phí đều có xu hướng giảm, từ đó dẫn tới tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế nhanh hơn tốc độ tăng của Doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu và tài sản. Đây là thành tích đáng ghi nhận của công ty trong năm vừa qua.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:

Số lượng cổ phần:	3,000,000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10,000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	3,000,000 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành:	3,000,000 cổ phiếu
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	3,000,000 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

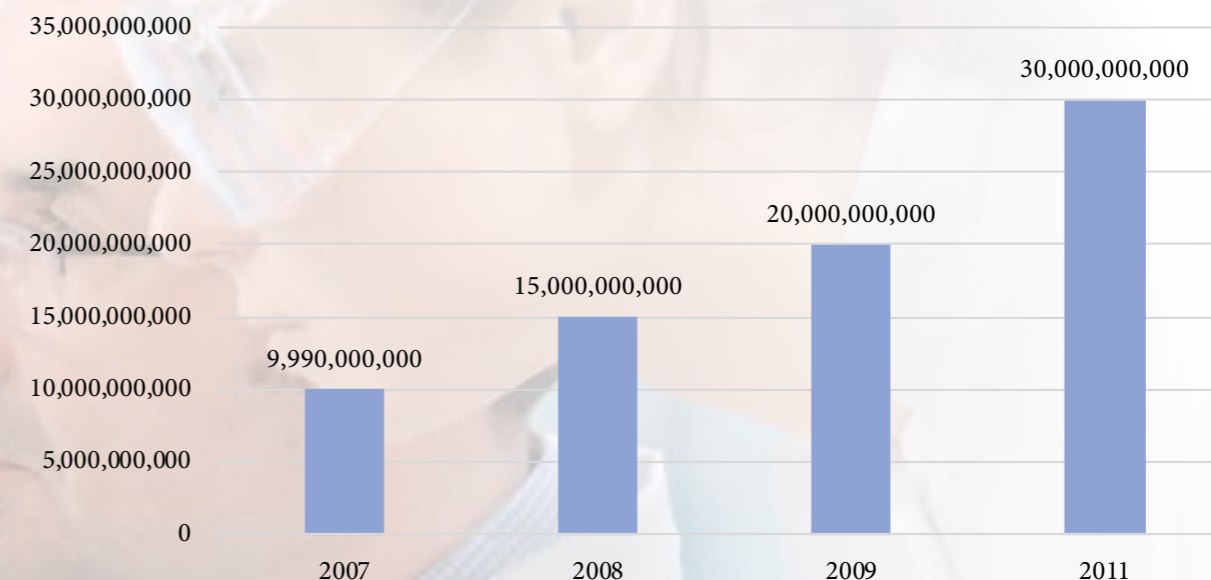
Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / VDL (%)
I	Cổ đông trong nước	345	3,000,000	30,000,000,000	100.00%
1	Cổ đông tổ chức	1	350,000	3,500,000,000	11.67%
2	Cổ đông cá nhân	341	2,65,000	26,500,000,000	88.33%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0.00%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0.00%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0.00%
Tổng cộng			3,000,000	30,000,000,000	100.00%

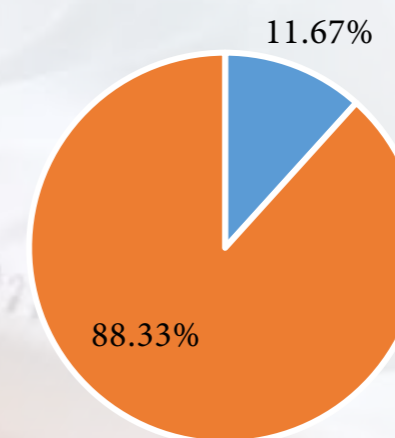
Cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VDL (%)
1	Trần Văn Huyền	30300382	241 Lạch Tray - Hải Phòng	1,731,715	57.72%
2	Công ty TNHH Dược Hải Phòng	201040098	Số 71 Điện Biên Phủ - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng	350	11.67%
Tổng cộng				2,081,715	69.39%

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN QUA CÁC NĂM



CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC



■ Cổ đông tổ chức ■ Cổ đông cá nhân

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2016, công ty không có đợt thay đổi vốn điều lệ.

A close-up photograph of a doctor's hand holding a blue stethoscope. The doctor is wearing a white lab coat and has a blue stethoscope around their neck. The background is blurred, focusing attention on the hand and the stethoscope.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	267,645	242,610	90.65%
Doanh thu SX	68,652	64,141	93.43%
Khối KDND	198,857	178,469	89.75%
Nộp Ngân sách	6,063	4,485	73.97%
Lợi nhuận sau thuế và chi cổ tức	6,369	9,928	155.88%
Thu nộp BHXH, BHYT, BHTN	5,974	6,546	109.57%
Thu nhập bình quân	4	4	100.00%
Đầu tư mua sắm trang thiết bị	2,401	9,014	375.43%

Đánh giá chung:

- Với các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đạt được cùng với làm tốt công tác đoàn thể, xã hội, mặc dù tổng doanh thu chỉ bằng 90.6% năm 2015, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế và để chi cổ tức lại tăng vượt bậc so với năm 2015, cụ thể 55.88%.
- Hơn thế nữa, trong năm 2016, Công ty còn phải tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị với số tiền gấp 3 lần năm 2015.
- Như vậy, so với mặt bằng xã hội có nhiều doanh nghiệp rất khó khăn thì có thể nói năm 2016 là một năm thành công của Công ty và Công ty cũng đã làm tốt nhiệm vụ chính trị mà UBND, Sở Y tế HP giao cho Công ty, góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thành phố trong năm 2016 của Sở Y tế.
- Có được kết quả trên, đó là nỗ lực rất lớn của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty và sự giúp đỡ của các ban ngành, của Sở Y tế HP và các đơn vị khám chữa bệnh trong thành phố.

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế

- Doanh thu giảm so với năm 2015 do thị trường có sự cạnh tranh dữ dội dẫn đến giảm hơn 6%.
- Tuy nhiên, giá vốn hàng bán giảm mạnh so với năm 2015 và các đầu chi phí khác cũng giảm dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng mạnh, cụ thể tăng 37.73%.

Khối kinh doanh

Đến năm 2016, Công ty cùng các chi nhánh đã đầu tư, nâng cấp xong để đạt tiêu chuẩn GPs với mức đầu tư gần 3 tỷ đồng nhằm đảm bảo đúng tiến độ do Bộ y tế và chỉ đạo của Sở Y tế.

Đến nay hầu hết các cơ sở kinh doanh của Công ty đều đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GDP và 270 quầy bán lẻ đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP.

Trung tâm bán buôn 14 Ký con

Do sự cạnh tranh ngày càng tăng và doanh thu bị sụt giảm đáng kể: ngày 01/08/2016 HĐQT công ty đã quyết định giải thể và sáp nhập TTBB vào Chi nhánh hiệu thuốc Hải phòng và chuyển trụ sở Chi Nhánh Hiệu thuốc Hải phòng về địa điểm 14 Ký con.

Bộ phận bán hàng sản xuất Công ty:

Trong thành phố:

- Đưa hàng do Công ty sản xuất vào các Hiệu thuốc và trực tiếp xuống quầy bán lẻ.
- Kết hợp với phòng Kinh doanh để đưa hàng do Công ty sản xuất vào hệ thống điều trị tại Hải Phòng.
- Bán buôn cho các Công ty trong thành phố

Ngoài thành phố:

- Tổ chức tới các cơ sở Đại lý bán buôn, Chi nhánh tại Hà Nội và các tỉnh khác ở miền Bắc như Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, ... Ở miền Nam, hiện tại đã có đầu mối phân phối hàng sản xuất tại TP. HCM.
- Năm 2016 bộ phận bán hàng sản xuất đã cố gắng tiếp thị và bán được 58.666 tỷ đồng chỉ bằng 85% so với năm 2015, với doanh thu này Công ty đã tạo đủ công ăn việc làm cho gần 200 CBCNV trực tiếp khối SXCN.

Khối hiệu thuốc:

- Với sự nỗ lực của CBCNV, doanh thu khối Hiệu thuốc năm 2016 tương đương năm 2015, có chi nhánh Hiệu thuốc còn cao hơn, cụ thể như hiệu thuốc Hải phòng và Kiến An với doanh thu cao hơn so với năm 2015 lần lượt là 16% và 5%.
- Tổng công doanh thu của các hiệu thuốc trong năm 2016 là 109.802 tỷ đồng, vượt 5% so với năm 2015.

Sản xuất Công nghiệp:

- Nhìn chung trong những năm qua doanh thu sản xuất của Công ty khoảng gần 70tỷ/năm, do Công ty trực tiếp phân phối (không kể doanh thu gia công) nên tạo đủ công ăn việc làm cho gần 200 công nhân trực tiếp sản xuất và khấu hao theo kế hoạch cho Nhà máy.
- Sản lượng lớn chủ lực của Công ty hiện nay là các thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi với sản lượng rất lớn so với nhiều nhà máy khác là gần 200,000 lọ / ngày.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	%Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	139,755,211,626	176,096,052,876	126.00%
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,730,545,068	14,998,165,662	139.77%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57,869,137,989	83,580,905,407	144.43%
Các khoản phải thu ngắn hạn	34,359,502,453	44,246,806,444	128.78%
Hàng tồn kho	35,104,165,492	31,057,958,074	88.47%
Tài sản ngắn hạn khác	1,691,860,624	2,212,217,289	130.76%
Tài sản dài hạn	40,759,025,955	20,377,328,960	49.99%
Tài sản cố định	13,033,460,674	15,024,007,889	115.27%
Tài sản dở dang dài hạn		4,590,804,835	
Đầu tư tài chính dài hạn	27,600,000,000		
Tài sản dài hạn khác	123,009,134	762,516,236	619.89%
Tổng tài sản	180,514,237,581	196,473,381,836	108.84%
Nợ phải trả	83,730,687,907	89,310,191,490	106.66%
Nợ ngắn hạn	76,671,892,937	83,310,191,490	108.66%
Nợ dài hạn	7,058,794,970	6,455,420,393	91.45%
Vốn chủ sở hữu	96,783,549,674	106,707,769,953	110.25%

Tài sản

Nhìn chung, tổng tài sản cuối năm 2016 của DPH tăng nhẹ so với đầu năm, cụ thể tính đến ngày 31/12/2016, tổng tài sản của DPH là hơn 196 tỷ đồng tăng gần 16 tỷ đồng so với năm 2015 tương ứng với mức tăng 8.84%. Trong đó tuy tài sản dài hạn có giảm 50% nhưng tài sản ngắn hạn lại tăng 26% so với cùng thời điểm năm 2015 làm cho tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị của tổng tài sản của công ty.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm trên 40% giá trị tài sản ngắn hạn, tiếp theo là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho chiếm trên 15%, hàng tồn kho có xu hướng giảm trong khi Các khoản phải thu có xu hướng tăng, có thể công ty đang áp dụng chính sách bán hàng nới lỏng. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty.

Tài sản dài hạn sụt giảm nguyên nhân chính do cuối năm 2016, công ty không còn các khoản Đầu tư tài chính dài hạn, trong khi đó tại đầu năm chỉ tiêu này đạt hơn 27 tỷ đồng, tại thời điểm cuối năm 2016, các khoản này đã gần đến thời điểm đáo hạn dẫn tới Các khoản đầu tư ngắn hạn tăng từ đó làm tăng tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó các chỉ tiêu còn lại của Tài sản dài hạn tăng nhẹ, tài sản cố định tăng 2 tỷ đồng, tài sản dở dang dài hạn tăng hơn 4 tỷ đồng và tài sản dài hạn khác tăng 640 triệu đồng.

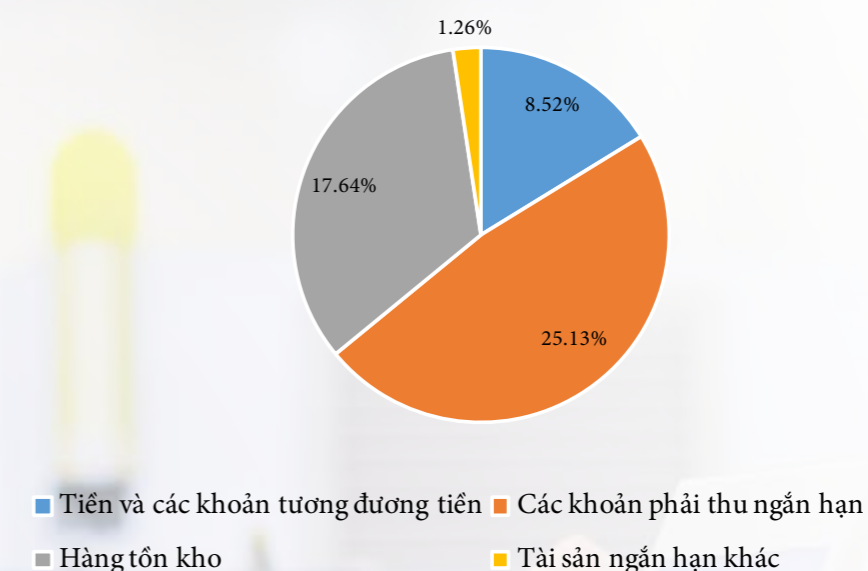
Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2016, các khoản nợ phải trả của công ty là hơn 89 tỷ đồng và tăng 6.66% so với cùng thời điểm năm 2015 với giá trị nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn.

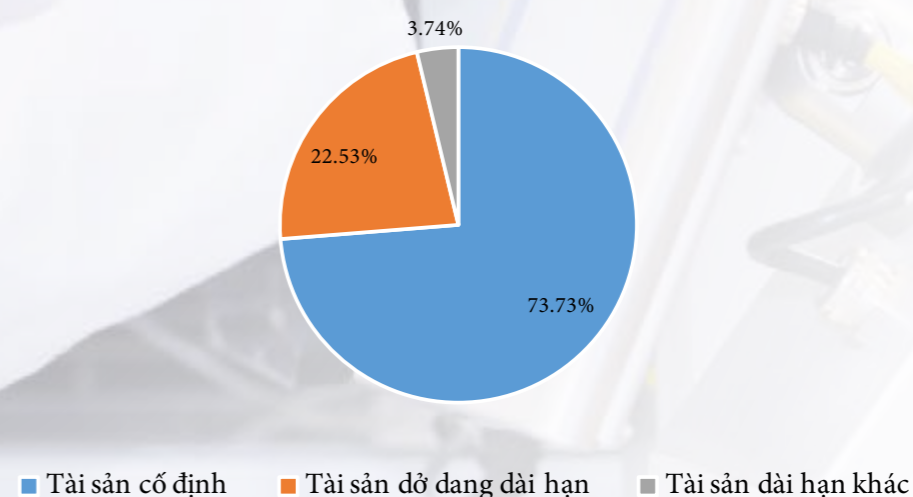
Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 10.25% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015.

TÀI SẢN NGẮN HẠN



TÀI SẢN DÀI HẠN



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2016, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất

TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính. Công



ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 121/2012/

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Về công tác cung ứng thuốc cho các cơ sở điều trị công lập

- Cơ cấu lại tổ chức tinh nhuệ, nhận thêm dược sĩ, phân công lại nhiệm vụ của từng cán bộ giúp việc chuyên sâu.
- Công tác đấu thầu có tính chu kỳ hàng năm nên phòng Kinh doanh dù đấu thầu trúng nhiều hay ít đều phải rút kinh nghiệm cho các đợt sau để đạt được tốt hơn.
- Trên cơ sở những lợi thế của mảng cung ứng thuốc cho bảo hiểm y tế sẽ phối kết hợp các mảng khác như bán buôn, hàng do Công ty sản xuất, các Chi nhánh để tăng doanh thu, đối trừ công nợ tạo tính thanh khoản cao, để các mảng kinh doanh cùng phát triển.

Về sản xuất công nghiệp:

- Duy trì sản lượng như kế hoạch để đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động và hoạt động SXKD được ổn định và liên tục.
- Tiếp tục cải tiến mẫu mã bao bì và hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm Công ty.
- Xây dựng và đưa vào sản xuất các mặt hàng mới cho nhà máy.
- Nghiên cứu cải tiến mẫu và bao bì nâng cao chất lượng cho mặt hàng đồng được.
- Xây dựng Hồ sơ đăng ký thuốc dùng ngoài mà Công ty trước đây vẫn sản xuất đã có thị phần, xây dựng hồ sơ đăng ký lại các mặt hàng đồng được sát với công thức của hàng được thanh toán bảo hiểm.
- Đào tạo công nhân và cán bộ liên quan nhằm thực hiện tốt các thao tác chuẩn GMP, GLP, GSP.
- Tăng cường cán bộ kỹ thuật, dược sĩ đại học cho khối sản xuất
- Hoàn thiện Nhà xưởng, chuẩn bị cả về nhân lực và vật lực khi dây truyền sản xuất thuốc đồng được và dây truyền thuốc dùng ngoài đạt tiêu chuẩn GMP trong năm 2017 đi vào hoạt động.

Khối kinh doanh nội địa

- Chi Nhánh Hiệu thuốc Hải Phòng cần phải cơ cấu lại công tác tổ chức, đào tạo những cán bộ chuyên sâu và năng động, để đáp ứng cơ chế hiện nay.
- Tăng cường công tác tiếp thị, trên cơ sở đảm bảo lợi ích kinh tế của các Hiệu thuốc, đưa nhiều hàng hoá của Chi Nhánh khai thác và hàng Công ty sản xuất xuống các Hiệu thuốc, quầy bán lẻ.
- Phối hợp tốt hơn nữa giữa các bộ phận của Công ty, cung ứng bệnh viện, các Chi nhánh, các khách hàng bán buôn của Công ty để thúc đẩy trao đổi hàng hóa và tính thanh khoản cao, tạo điều kiện và cơ hội cho tất cả các bộ phận cùng phát triển.

Khối Hiệu thuốc:

Tổ chức tốt và hiệu quả hệ thống bán lẻ trên địa bàn quản lý, tuân thủ các chỉ đạo từ Công ty và phải mang lại lợi ích cho toàn thể Công ty.

- Tăng cường lấy hàng từ Công ty khai thác, đặc biệt là hàng sản xuất của Công ty. Thực hiện nghiêm quy định nhập hàng từ Công ty đối với các Hiệu thuốc.
- Tạo điều kiện cho các Hiệu thuốc mở rộng mạng lưới bán lẻ của Công ty đối với tuyến huyện, xã và cùng phối hợp để quản lý tốt hơn công tác chuyên môn.
- Năm 2017 tiếp tục đầu tư và thẩm định các quầy bán lẻ còn lại trên địa bàn đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của các Hiệu thuốc.
- Với mạng lưới bán lẻ trải khắp từ nội thành đến ngoại thành, đây quả thực là mạng lưới chân rết bán hàng của Công ty, cho nên Công ty phải từng bước xây dựng được thương hiệu của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về ban Giám đốc công ty

Kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2016 là một năm có nhiều khó khăn đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó Hội Đồng Quản Trị Công ty đã có những chủ trương, nghị quyết, quyết định đúng đắn phù hợp với từng thời điểm, trên cơ sở sự nhất trí cao giữa các thành viên, từng bước đưa công ty vượt qua khó khăn và đạt được một số thành tựu nhất định, cụ thể:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	TH 2016/ TH 2015
Doanh thu thuần	Đồng	254,068,844,784	237,153,501,645	93.34%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	9,386,845,304	12,928,218,845	137.73%

Doanh thu và lợi nhuận:

- Doanh thu giảm nhẹ trong những năm gần đây sự cạnh tranh trên thị trường được phẩm ngày càng khốc liệt.
- Lợi nhuận tăng mạnh do giá vốn hàng bán giảm và công ty tập trung cắt giảm các đầu chi phí để giảm tải gánh nặng

Cổ tức:

- Mức chia cổ tức của năm 2016 bằng với 2015 là 10%

Tình hình sản xuất:

- Công ty đã đầu tư xong và có nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO cho các dây chuyền: Thuốc nhỏ mắt nhỏ mũi, viên nén non-olactam, viên nang mềm và thẩm định xong dây chuyền sản xuất đông dược và thuốc dùng ngoài đạt tiêu chuẩn GMP-WHO
- Công ty đã đầu tư lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất dịch truyền và đã ký được hợp đồng liên doanh liên kết với công ty B.BRAUN sản xuất dịch chạy thận, ngày 14/01/2017 đã thẩm định ISO 13485 và đang chờ cấp phép để đi vào hoạt động
- Nhìn chung trong những năm qua doanh thu sản xuất của Công ty khoảng gần 70tỷđ/năm, do Công ty trực tiếp phân phối (không kể doanh thu gia công) nên tạo đủ công ăn việc làm cho gần 200 công nhân trực tiếp sản xuất và khấu hao theo kế hoạch cho Nhà máy.

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị với Ban Giám Đốc

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp



tối đa của Công ty và Cổ đông.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo cáo

chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt tình hình của công ty, để ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị với Ban Giám Đốc (tiếp)

quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, để đạt được chỉ tiêu theo kỳ vọng.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD đã triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh tại công ty, kết quả kinh doanh năm 2016 nhìn chung đạt được các mục tiêu đề ra, hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2015.

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty; tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực

hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty.

Trong năm 2016 với tình hình kinh tế khó khăn, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để hoàn thành các chiến lược đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước. Phát huy tối đa năng lực của công ty. Kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt, các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chiến lược:

- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện mọi giải pháp sản xuất kinh doanh hiệu quả đảm bảo công suất và chất lượng theo yêu cầu
- Duy trì và phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Quản lý:

- Quản lý chặt chẽ vật tư, nhiên liệu, nhân công, giảm thiểu chi phí phát sinh lãng phí;
- Luôn cập nhật các phương án quản lý mới, hiện đại áp dụng trực tiếp vào điều hành sản xuất chung của Công ty

Quản trị công ty:

- Chỉ đạo quyết liệt và thực hiện hiệu quả công tác điều hành thông qua các báo cáo quản trị hàng tháng của các bộ phận quản lý sản xuất trực tiếp
- Đặt trọng tâm sắp xếp nhân sự và sự kiện tổ chức toàn công ty
- Chỉ đạo rà soát các quy chế do HĐQT đã ban hành hiện áp dụng chưa hợp lý, từ đó tiến hành bổ sung, sửa đổi lấy ý kiến để phê duyệt ban hành;
- Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát

Các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, ban Kiểm Soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Ghi chú
Trần Văn Huyền	Chủ tịch HĐQT	1,731,715	Thành viên HĐQT điều hành
Nguyễn Văn Vẻ	Thành viên HĐQT	80,729	Thành viên HĐQT điều hành
Trần Đức Hạnh	Thành viên HĐQT	15,000	Thành viên HĐQT điều hành

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Hội đồng quản trị có cử 1 thư ký để giúp hội đồng quản trị các công việc chuyên môn.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện quy chế họp định kỳ hàng quý, trong năm 2016 đã tổ chức được 4 phiên họp, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đều có đủ các thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban GD:

- ♦ Định hướng có hiệu quả kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo các chỉ tiêu chính sách bám sát kế hoạch
- ♦ HĐQT công ty đã sát sao trong việc giao nhiệm vụ cho ban Giám đốc triển khai. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm và yêu cầu thực hiện lập chế độ báo cáo định kỳ cũng như thường xuyên đảm bảo kịp thời trong việc xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty
- ♦ Triển khai áp dụng các công cụ quản lý hiện đại ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thông suốt về mặt thông tin giữa cấp quản lý cao nhất tới cấp quản lý thấp nhất, từ đó điều chỉnh phương pháp quản trị hiệu quả.
- ♦ Chỉ đạo thành lập bộ phận tiếp thị trường tham mưu cho ban Giám đốc và Hội Đồng Quản Trị các dự án đầu tư, mở rộng thị trường kinh doanh cho Công ty
- ♦ Giám sát chặt chẽ, thường xuyên kiện toàn bộ máy lãnh đạo từ các phòng ban đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Vũ Phú Định	Trưởng Ban kiểm soát	28,884
Nguyễn Thị Hương	Thành viên Ban kiểm soát	4,829
Nguyễn Xuân Trường	Thành viên Ban kiểm soát	37,495

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- ♦ Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- ♦ Các thành viên BKS là cán bộ kiêm nhiệm, chủ chốt của các đơn vị nên rất bận về công tác chuyên môn, tuy nhiên với sự tin nhiệm của các cổ đông, các thành viên BKS đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.
- ♦ Ban Kiểm Soát đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, kiểm tra các hoạt động tài chính kế toán của các đơn vị, hiệu thuốc, khối SXCN, chi nhánh công ty, ...
- ♦ Trong các đợt kiểm tra, Ban Kiểm Soát đã góp ý và chấn chỉnh những thiếu sót trong việc quản lý, ghi chép, hạch toán ở đơn vị sản xuất kinh doanh.
- ♦ Qua kiểm tra trong năm 2016, các đơn vị cơ bản đã chấp hành đúng Điều lệ, quy chế hoạt động, các chỉ tiêu công ty đã giao. ;
- ♦ Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 đã chi đúng với phương án SXKD sau cổ phần hoá được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/10/2005. Cụ thể như sau:

STT	Các chức danh	Hệ số
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1
2	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	0.7
3	Các thành viên Hội đồng QT	0.5
4	Trưởng Ban kiểm soát	0.5
5	Các thành viên Ban kiểm soát	0.3

- ♦ Mức lương bình quân của toàn Công ty thực hiện trong năm 2016 là: 4,500,000 đồng/người/tháng.
- ♦ Tổng số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và BKS năm 2016 được hạch toán vào chi phí hoạt động SXKD của Công ty năm 2016. 178,200,000
- ♦ Năm 2017 dự kiến phương án trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát vẫn chi đúng theo phương án SXKD sau cổ phần hoá với hệ số như trên và lương bình quân áp dụng trong năm 2017 là: 4,500,000 đồng/người/ tháng .

Trong năm công ty không có giao dịch cổ phiếu hoặc hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2016



THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động... các bên liên quan khác.

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 155 của bộ Tài Chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2016, bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty tiến hành lập Báo cáo Phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 155 của bộ Tài Chính

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực dược phẩm và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong Báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong Báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- ◆ Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO
- ◆ Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực Dược phẩm

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng
Địa chỉ: Số 71, Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Điện thoại: 031. 3745632

Fax: 031. 3745053

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỆN VÀ NƯỚC

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBCNV Công ty ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- ♦ Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- ♦ Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- ♦ Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- ♦ Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên
- ♦ Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

Công ty luôn hướng đến việc tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước nhờ vào:

- ♦ Sử dụng nước đúng mục đích, hợp lý
- ♦ Có kế hoạch thay thế, loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiều nước
- ♦ Cải tiến, hợp lý hóa quy trình sử dụng nước; áp dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến trong khai thác, sử dụng nước; tăng khả năng sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; tích trữ nước mưa để sử dụng

Công ty sử dụng 1 nguồn nước chủ yếu từ nhà máy nước Hải Phòng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2016, Công ty được đoàn kiểm tra của ... xuống kiểm tra 1 lần và Công ty đã thực hiện tốt các chỉ tiêu cũng như chỉ đạo của ...

Như vậy, Công ty không hề bị phạt trong lĩnh vực môi trường.



CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban Lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBCNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

Cơ cấu nhân viên thời điểm 31/12/2016:

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ trọng
I	Phân theo giới tính	482	100.00%
1	Nam	195	40.46%
2	Nữ	287	59.54%
II	Phân theo trình độ học vấn	482	100.00%
1	Trên Đại học	0	0.00%
2	Đại học	83	17.22%
3	Cao đẳng	262	54.36%
4	Trung cấp	0	0.00%
5	Công nhân kỹ thuật, sơ cấp	137	28.42%
6	Lao động phổ thông	0	0.00%

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc:

Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 42 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca và Công ty thực hiện các chế độ nghỉ bù cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các nghị định, thông tư hướng dẫn của Nhà nước.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:

Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 08 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản:

Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi:

Hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động có hợp đồng thời hạn từ 03 tháng trở lên:

- ♦ Đóng BHXH cho 100% CBCNV.
- ♦ Đóng BHYT cho 100% CBCNV.
- ♦ Mua BHTN 100% cho người lao động làm việc tại Công ty.
- ♦ Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- ♦ Lao động trực tiếp sản xuất được cấp đồng phục lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty có tổ chức cho cán bộ quản lý theo học các lớp đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn theo yêu cầu của công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty. Công ty đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty thực hiện chế độ xếp bậc lương cho người lao động theo thang bảng lương của Nhà nước và được cơ quan Lao Động Tiền Lương, BHXH nơi Công ty đăng ký chấp thuận. Việc chi trả lương được thực hiện 2 lần vào ngày 15 tháng và ngày 30 hàng tháng. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

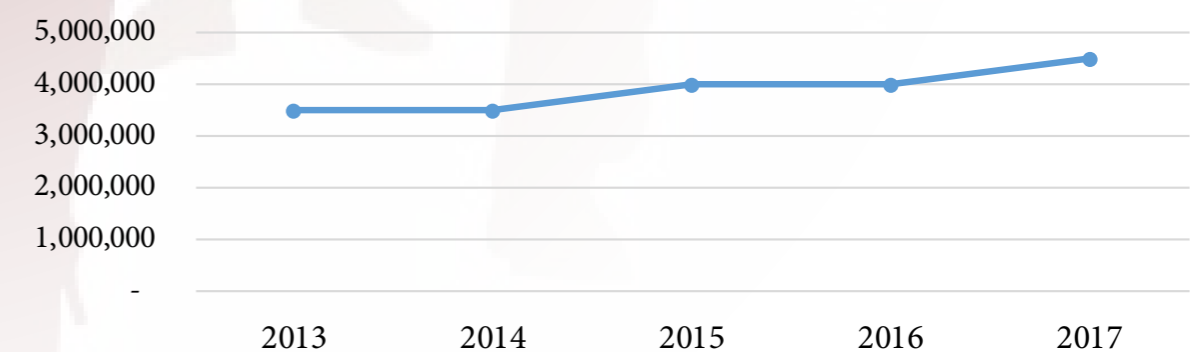
Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được. Công ty tổ chức bình bầu hàng quý để đánh giá kết quả lao động của nhân viên, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc. Công ty cũng xét thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí. Cuối năm, toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Công ty đều được hưởng lương tháng thứ 13.

Phúc lợi: hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì thường xuyên phong trào Văn - Thể - Mỹ.

Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017(đự kiến)
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	3,500,000	3,500,000	4,000,000	4,000,000	4,500,000

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH QUA CÁC NĂM

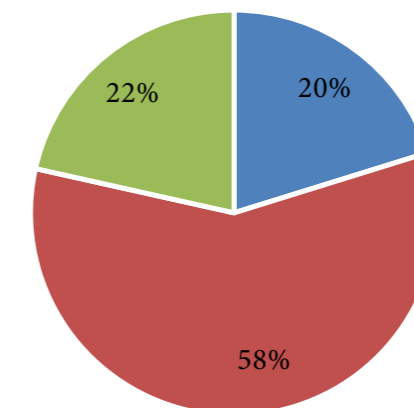


CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

Song song với việc sản xuất - kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, đặc biệt trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

Chỉ tiêu	Số tiền (Đồng)
Hỗ trợ khó khăn, ủng hộ miễn Trung	10,800,000
Tặng quà trung thu cho con của CBCNV	31,200,000
Hỗ trợ kinh phí tổ chức sự kiện	11,500,000

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI



- Hỗ trợ khó khăn, ủng hộ miễn Trung
- Tặng quà trung thu cho con của CBCNV
- Hỗ trợ kinh phí tổ chức sự kiện



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Giám Đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 2785/QĐ – UBND ngày 01/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001948 ngày 01/06/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 1 đến lần 9 ngày 03/01/2012.

Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Hiệu thuốc Hải Phòng	Số 17 Lương Khánh Thiện, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Hiệu thuốc Thủy Nguyên	Số 1 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
Hiệu thuốc An Lão	Số 13 đường Trần Tất Văn, thị trấn An Lão, huyện An Lão, Hải Phòng
Hiệu thuốc Kiến Dương	Số 19 Thọ Xuân, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng
Hiệu thuốc Kiến An	230 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng
Hiệu thuốc Vĩnh Bảo	Số 211 Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng
Chi nhánh Hà Nội	Số 1 ngách 7/10, ngõ 7 Thái Hà, Phường Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

Hoạt động chính của công ty bao gồm:

- Kinh doanh dược phẩm, hóa chất, sinh hóa phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, vật tư.

Công ty có trụ sở tại số 71 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch	
- Ông Nguyễn Văn Vê	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/4/2016
- Ông Trần Đức Hạnh	Ủy viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Trần Văn Huyền	Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Văn Vê	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/7/2016
- Ông Trần Đức Hạnh	Phó giám đốc sản xuất	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Huyền- Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2017



Tổng Giám đốc
Trần Văn Huyền



Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số: 93 /2017/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2013-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2581-2013-038-1

BDO Audit Services Co., Ltd., a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member Firms.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 71 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.096.052.876	139.755.211.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.998.165.662	10.730.545.071
1. Tiền	111		14.998.165.662	10.730.545.071
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.580.905.407	57.869.137.989
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	83.580.905.407	57.869.137.989
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.246.806.444	34.359.502.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	34.932.221.427	30.734.029.659
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.985.742.100	150.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.328.842.917	3.563.958.246
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(88.485.452)
IV. Hàng tồn kho	140		31.057.958.074	35.104.165.492
1. Hàng tồn kho	141	V.7	31.057.958.074	35.104.165.492
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.212.217.289	1.691.860.624
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	82.452.599	70.105.790
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.129.764.690	1.615.743.069
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	6.011.765
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.377.328.961	40.759.025.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.556.147
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	2.556.147
II. Tài sản cố định	220		15.024.007.890	13.033.460.674
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	14.191.524.570	13.033.460.674
Nguyên giá	222		56.510.083.170	52.938.714.079
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.318.558.601)	(39.905.253.405)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	832.483.320	-
Nguyên giá	228		906.972.000	54.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.488.680)	(54.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	4.590.804.835	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.590.804.835	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	27.600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	27.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		762.516.236	123.009.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	762.516.236	123.009.134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		196.473.381.837	180.514.237.583

Báo cáo tài chính này phải được đọc cùng các thuyết minh kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		89.765.611.884	83.730.687.908
I. Nợ ngắn hạn	310		83.310.191.491	76.671.892.938
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	60.177.293.637	55.796.081.842
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	47.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.043.264.863	2.587.496.896
4. Phải trả người lao động	314		2.870.246.190	2.961.606.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.200.533.781	2.930.958.071
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6.802.489.033	4.958.558.573
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	3.232.391.375	4.280.658.175
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.983.972.611	3.156.485.109
II. Nợ dài hạn	330		6.455.420.393	7.058.794.970
1. Phải trả nội bộ dài hạn	335	VII.2	3.921.102.393	4.283.576.970
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	2.534.318.000	2.775.218.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.707.769.953	96.783.549.674
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	106.707.769.953	96.783.549.674
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.655.903.683	4.655.903.683
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.412.259.365	33.412.259.365
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.639.606.905	25.715.386.626
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		22.711.388.059	19.714.937.893
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.928.218.846	6.000.448.734
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		196.473.381.837	180.514.237.583

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017
Tổng Giám đốc

TRẦN ANH TUẤN

TRẦN ANH TUẤN

TRẦN VĂN HUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	242.610.276.723	267.645.442.916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.456.775.078	13.576.598.132
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		237.153.501.645	254.068.844.784
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	202.567.135.627	220.451.152.203
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.586.366.018	33.617.692.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.334.294.288	6.298.910.291
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	393.683.769	451.369.554
Trong đó: chi phí lãi vay	23		223.769.435	113.950.000
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.574.450.161	6.703.029.053
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.235.078.866	20.710.444.597
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.717.447.511	12.051.759.668
11. Thu nhập khác	31	VI.8	548.540.513	339.715.437
12. Chi phí khác	32	VI.9	73.741.782	278.505.278
13. Lợi nhuận khác	40		474.798.731	61.210.159
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.192.246.242	12.112.969.827
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	3.264.027.396	2.726.124.523
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.928.218.846	9.386.845.304
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	4.309	3.129
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.309	3.129

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017
Tổng Giám đốc

TRẦN ANH TUẤN

TRẦN ANH TUẤN

TRẦN VĂN HUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		226.091.935.087	315.838.676.661
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(203.312.663.679)	(292.234.905.400)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.357.951.062)	(17.807.557.627)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(223.769.435)	(113.950.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.972.470.617)	(4.243.256.928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.392.328.964	111.828.093.911
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.369.618.792)	(135.167.915.314)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.247.790.466	(21.900.814.697)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.162.173.926)	(3.291.359.964)
Đơn vị khác	23		(2.111.767.418)	(8.115.469.931)
Đơn vị khác	24		4.000.000.000	10.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.652.038.269	3.277.565.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(621.903.075)	1.870.735.510
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của				
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.700.000.000	1.840.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.748.266.800)	4.489.764.150
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(310.000.000)	(335.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.358.266.800)	5.994.764.150
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.267.620.591	(14.035.315.037)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.730.545.071	24.765.860.108
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	14.998.165.662	10.730.545.071

Người lập biểu

TRẦN ANH TUẤN

Kế toán trưởng

TRẦN ANH TUẤN

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

TRẦN VĂN HUYỀN



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2785/QĐ – UBND ngày 01/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001948 ngày 01/06/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 1 đến lần 9 ngày 03/01/2012.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh, gồm: Sản xuất và kinh doanh thuốc hóa dược, dược liệu, dược phẩm, vaccin, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng; Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ y tế.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm:

Các hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh thuốc hóa dược, dược liệu, dược phẩm...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, trong năm không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 71 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
- Hiệu thuốc Hải Phòng	Số 17 Lương Khánh Thiện, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Hiệu thuốc Thủy Nguyên	Số 1 Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Hiệu thuốc An Lão	Số 13 Trần Tấn Văn, thị trấn An Lão, huyện An Lão, Hải Phòng
- Hiệu thuốc Kiến Dương	Số 19 Thọ Xuân, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng
- Hiệu thuốc Kiến An	230 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng
- Hiệu thuốc Vĩnh Bảo	Số 211 Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Chi nhánh Hà Nội	Số 1 gác 7/10, ngõ 7 Thái Hà, Phường Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 436 người, 23 cán bộ quản lý (Tại ngày 31/12/2015 là 762 người, trong đó cán bộ quản lý là 40 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

- **Phải thu nội bộ:** Gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn; các khoản phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: được Công ty xác định bằng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của các sản phẩm dở dang.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04-16 năm
Máy móc thiết bị	06 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị quản lý	03 năm

Trong năm Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC đối với các TSCĐ là máy móc thiết bị.

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

5. Nguyên tắc kế toán thuế**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

c) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh: Chi phí trả trước dài hạn gồm các công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa hiệu thuốc với thời gian phân bổ trong 24 tháng. Chi phí trả trước ngắn hạn gồm công cụ dụng cụ xuất dùng với thời gian phân bổ 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2016 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: các khoản chi phí phải trả của hàng tồn kho đã thực nhập nhưng chưa nhận được hóa đơn, các khoản chi phí phải trả khác như tiền điện, nước, điện thoại...

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông góp vốn.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức cho các cổ đông).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi thanh toán, lãi tiền gửi có kỳ hạn 12, 13 tháng... lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm".

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, các khoản chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm và các khoản chi phí tài chính khác.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí xăng xe, bảo dưỡng xe, công tác phí, chi phí về lương nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), công cụ dụng cụ xuất dùng cho hoạt động bán hàng.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, thuê nhà, xăng xe...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, dịch vụ ngân hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.569.622.651	2.487.780.155
Tiền gửi ngân hàng	13.428.543.011	8.242.764.915
Tiền đang chuyển		
Cộng	14.998.165.662	10.730.545.071
Các khoản tương đương tiền		
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	14.998.165.662	10.730.545.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn						
Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	55.817.259.351	-	55.817.259.351	53.873.005.985	-	53.873.005.985
Tiền gửi có kỳ hạn 11 tháng - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tô Hiệu	2.913.646.056	-	2.913.646.056	2.746.132.004	-	2.746.132.004
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	1.250.000.000	-	1.250.000.000	1.250.000.000	-	1.250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	13.600.000.000	-	13.600.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-	-
Cộng	83.580.905.407	-	83.580.905.407	57.869.137.989	-	57.869.137.989
Dài hạn						
Cho vay ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	13.600.000.000	-	13.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	14.000.000.000	-	14.000.000.000
Cộng	-	-	-	27.600.000.000	-	27.600.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

3. Phải thu khách hàng

3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Văn phòng công ty	25.194.214.923	-	23.100.306.337	-
Bệnh viện Việt Tiệp	3.165.589.248	-	2.964.556.006	-
Bệnh viện Kiến An	3.700.703.295	-	1.985.918.322	-
Bệnh viện Đa khoa Ngô Quyền	1.042.709.385	-	1.096.587.569	-
Các khách hàng còn lại	17.285.212.995	-	17.053.244.440	-
Hiệu thuốc Hải Phòng	3.979.529.348	-	3.316.778.273	-
Hiệu thuốc Kiến Thụy	330.549.833	-	1.224.742	-
Hiệu thuốc Kiến An	432.821.358	-	456.561.924	-
Hiệu thuốc Thủy Nguyên	2.242.621.722	-	882.706.909	-
Hiệu thuốc Vĩnh Bảo	113.029.534	-	123.531.508	-
Phân xưởng sản xuất thuốc thông thường	176.423.325	-	176.423.325	-
Hiệu thuốc An Lão	540.618.581	-	422.784.350	-
Chi nhánh Hà Nội	1.922.412.803	-	2.253.712.291	-
Cộng	34.932.221.427	-	30.734.029.659	-

4. Trả trước cho người bán

4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thiết bị PCCC Quyết Thắng	-	-	150.000.000	-
Công ty CP Công nghệ môi trường AQUA Việt Nam	634.947.500	-	-	-
Công ty TNHH cơ điện lạnh Tân Thành	1.500.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ kỹ thuật Quốc Tế	1.337.082.663	-	-	-
Công ty TNHH MTV Mettler - Toledo Việt Nam	512.703.048	-	-	-
Các nhà cung cấp còn lại	1.001.008.889	-	-	-
Cộng	4.985.742.100	-	150.000.000	-

5. Phải thu khác

5.1 Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	212.531.680	-	202.526.180	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	-	8.838.032	-
Phải thu khác	4.111.311.237	-	3.352.594.034	-
+ Văn phòng công ty	4.070.080.255	-	3.300.619.205	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	3.715.819.027	-	3.033.563.008	-
Các khoản khác	354.261.228	-	267.056.197	-
+ Hiệu thuốc Hải Phòng	38.400.000	-	51.700.000	-
+ Hiệu thuốc Thủy Nguyên	-	-	-	-
+ Hiệu thuốc Kiến An	1.554.470	-	-	-
+ Hiệu sản xuất thuốc thông thường	1.001.683	-	-	-
+ Chi nhánh Hà Nội	274.829	-	274.829	-
Cộng	4.328.842.917	-	3.563.958.246	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

6. Nợ xấu

6.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Chị Hải - Quầy 71 Điện Biên Phủ	-	-	-	80.000.000	80.000.000	-
Công ty CP Dược phẩm Bảo An	-	-	-	8.485.452	8.485.452	-
Cộng	-	-	-	88.485.452	88.485.452	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho (VP Công ty)	8.544.058.277	-	9.160.065.184	-
Công cụ dụng cụ tồn kho (VP công ty)	61.603.563	-	69.171.366	-
Chi phí SXKD dở dang (VP công ty)	119.108.958	-	51.565.707	-
Thành phẩm tồn kho (VP Công ty)	6.511.110.722	-	2.809.449.270	-
Hàng hoá tồn kho			23.013.913.965	-
+ Văn phòng Công ty	1.216.956.871	-	7.782.951.111	-
+ Hiệu thuốc Hải Phòng	7.600.958.956	-	513.055.591	-
+ Hiệu thuốc Thùy Nguyên	1.698.227.950	-	271.366.621	-
+ Hiệu thuốc An Lão	1.275.851.409	-	1.811.785.342	-
+ Hiệu thuốc Kiến Thụy	441.807.995	-	116.043.456	-
+ Hiệu thuốc Kiến An	245.822.436	-	1.251.066.303	-
+ Hiệu thuốc Vĩnh Bảo	109.576.901	-	-	-
+ Chi nhánh Hà Nội	3.232.874.036	-	-	-
Cộng	31.057.958.074	-	35.104.165.492	-

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		82.452.599		70.105.790
Cộng		82.452.599		70.105.790
8.2 Chi phí trả trước dài hạn				
- Chi phí sửa hiệu thuốc		645.171.782		59.860.785
- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ		117.344.454		63.148.349
Cộng		762.516.236		123.009.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Xem phụ lục số 01 trang 26.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quang học	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	-	54.600.000	54.600.000
Mua trong năm	852.372.000	-	852.372.000
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	852.372.000	54.600.000	906.972.000
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	-	54.600.000	54.600.000
Khấu hao trong năm	19.888.680	-	19.888.680
Tặng khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	19.888.680	54.600.000	74.488.680
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	832.483.320	-	832.483.320

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

54.600.000 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

-

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

-

11. Tài sản dở dang dài hạn

11.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ - Dây truyền thiết bị PX Bbrown	4.590.804.835	-
Cộng	4.590.804.835	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

12. Phải trả người bán

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng công ty	43.304.112.256	43.304.112.256	44.898.182.241	44.898.182.241
Cty TNHH Y Tế Cảnh Cửa Việt	1.901.022.148	1.901.022.148	1.497.568.219	1.497.568.219
CN Cty TNHH DP Hiệp Bách Niên	199.499.973	199.499.973	1.108.251.078	1.108.251.078
Cty CP DP SOHACO Miền Bắc	1.486.394.265	1.486.394.265	1.200.854.153	1.200.854.153
Cty CP DP TBYT - HN (Giáp Bát)	1.305.000.081	1.305.000.081	1.494.102.797	1.494.102.797
Cty CP DP Thiên Thảo			1.503.763.091	1.503.763.091
Cty TNHH TM DP Vạn Xuân	3.410.896.301	3.410.896.301	3.693.987.196	3.693.987.196
Cty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	5.008.835.795	5.008.835.795	4.974.195.024	4.974.195.024
Cty TNHH dược phẩm Hữu Nghị	3.355.270.800	3.355.270.800	2.334.549.000	2.334.549.000
Công ty cổ phần FRESINIUS KABI BIDIPHAR	2.700.638.279	2.700.638.279	1.576.652.743	1.576.652.743
Công ty cổ phần TM DP & TBYT Thuận Phát	2.852.232.354	2.852.232.354	1.272.574.833	1.272.574.833
Các nhà cung cấp còn lại	21.084.322.260	21.084.322.260	24.241.684.107	24.241.684.107
Hiệu thuốc Hải Phòng	8.816.900.034	8.816.900.034	7.356.463.973	7.356.463.973
Hiệu thuốc Kiến Thụy	298.291.968	298.291.968	314.423.727	314.423.727
Hiệu thuốc Kiến An	223.956.780	223.956.780	308.375.537	308.375.537
Hiệu thuốc Thủy Nguyên	2.351.216.402	2.351.216.402	1.522.614.901	1.522.614.901
Hiệu thuốc Vĩnh Bảo	165.682.000	165.682.000	148.518.388	148.518.388
Hiệu thuốc An Lão	1.006.307.851	1.006.307.851	1.166.542.615	1.166.542.615
Chi nhánh Hà Nội	3.956.078.486	3.956.078.486	26.212.600	26.212.600
Phân xưởng SX thuốc thông thường	54.747.860	54.747.860	54.747.860	54.747.860
Cộng	60.177.293.637	60.177.293.637	55.796.081.842	55.796.081.842

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

13.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	36.276.019	204.267.207	36.276.019	204.267.207
Thuế xuất, nhập khẩu	-	18.117.705	18.117.705	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.547.440.877	3.264.027.396	2.972.470.617	2.838.997.656
Thuế thu nhập cá nhân	3.780.000	207.201.281	210.981.281	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.195.830.000	1.195.830.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	385.600.000	385.600.000	-
Cộng	2.587.496.896	5.275.043.589	4.819.275.622	3.043.264.863

13.2 Thuế phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNCN nộp thừa	-	6.011.765
Cộng	-	6.011.765

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

14. Chi phí phải trả

14.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty (phải trả về hàng tồn kho đã nhập)	4.114.000.827	2.836.107.117
Hiệu thuốc Kiến Thụy	41.532.954	49.850.954
Hiệu thuốc Thủy Nguyên	45.000.000	45.000.000
Cộng	4.200.533.781	2.930.958.071

15. Phải trả khác

15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.534.107.606	975.011.562
Bảo hiểm thất nghiệp	65.428.460	59.319.260
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	424.900.000	-
Phải trả tiền cổ tức	2.690.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	2.088.052.966	3.924.227.751
Cộng	6.802.489.033	4.958.558.573

15.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.294.018.000	2.681.918.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	240.300.000	93.300.000
Cộng	2.534.318.000	2.775.218.000

16. Vay và nợ thuê tài chính

16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Xem phụ lục số 02 trang 27.

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem phụ lục số 03 trang 28.

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Dược Hải Phòng	3.500.000.000	3.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	26.500.000.000	26.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.655.903.683	4.655.903.683
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	34.655.903.683	34.655.903.683

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	3.017.421.130

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

17.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

17.5 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	33.412.259.365	33.412.259.366

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	242.610.276.723	267.645.442.916
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	242.610.276.723	267.645.442.916

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	3.977.233.949	11.761.416.620
Giảm giá hàng bán	31.050.927	-
Hàng bán bị trả lại	1.448.490.202	1.815.181.512
Cộng	5.456.775.078	13.576.598.132

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	202.567.135.627	220.451.152.203
Cộng	202.567.135.627	220.451.152.203

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.334.294.288	6.298.910.291
Cộng	6.334.294.288	6.298.910.291

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	223.769.435	113.950.000
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	286.116.899
Chi phí tài chính khác	169.914.334	51.302.655
Cộng	393.683.769	451.369.554

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	2.460.126.600	3.033.105.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	244.164	82.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	100.383.514	369.794.869
Chi phí mua ngoài	23.670.151	107.435.801
Chi phí khác bằng tiền	2.990.025.732	3.110.693.315
Cộng	5.574.450.161	6.703.029.053

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	7.340.063.672	11.805.194.537
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.181.419	1.069.747.262
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	314.793.521
Chi phí mua ngoài	526.358.618	5.687.094.122
Chi phí khác bằng tiền	11.322.876.747	1.833.615.155
Cộng	19.235.078.866	20.710.444.597

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Cho thuê nhà, thuê quầy	146.363.637	277.854.289
Tiền hỗ trợ bán hàng	224.853.628	44.977.255
Các khoản khác	177.323.248	16.883.893
Cộng	548.540.513	339.715.437

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt thuế	72.985.737	248.466.818
Các khoản khác	756.045	30.038.460
Cộng	73.741.782	278.505.278

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.472.691.359	36.894.834.667
Chi phí nhân công	13.701.076.138	19.815.051.358
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.433.193.875	2.984.365.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.444.947.186	5.794.529.923
Chi phí khác bằng tiền	14.312.902.479	6.188.754.278
Cộng	66.364.811.038	71.677.536.119

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

23

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

11. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.264.027.396	2.726.124.523
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.264.027.396	2.726.124.523

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	16.192.246.242	12.112.969.827
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	127.890.737	278.505.278
Các khoản điều chỉnh tăng	127.890.737	278.505.278
Các khoản phạt	73.685.737	278.505.278
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	54.205.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	-
Doanh thu đã tính vào TNCT của (các) kỳ trước	-	-
Chi phí liên quan đến DT chưa thực hiện tính vào TNCT	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	16.320.136.979	12.391.475.105
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	16.320.136.979	12.391.475.105
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	3.264.027.396	2.726.124.523

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.928.218.846	9.386.845.304
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	12.928.218.846	9.386.845.304
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.309	3.129

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2016

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong năm 2016, Công ty TNHH Dược phẩm Hải Phòng được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	784.400.000	1.266.335.500
Cộng	784.400.000	1.266.335.500

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Phòng	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả khác	300.000.000	300.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả	3.921.102.393	4.221.102.393
Phải trả khác	3.921.102.393	4.221.102.393
Cộng	3.921.102.393	4.221.102.393

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người tập biểu

TRẦN ANH TUẤN

Kế toán trưởng

TRẦN ANH TUẤN

MISDN: 02001402
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
HẢI PHÒNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TRẦN VĂN HUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 71 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2016	16.770.926.497	32.753.932.584	3.306.395.880	107.459.118	-	52.938.714.079
Mua trong năm	-	-	3.571.369.091	-	-	3.571.369.091
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	16.770.926.497	32.753.932.584	6.877.764.971	107.459.118	-	56.510.083.170
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2016	6.958.971.781	29.535.191.768	3.306.395.880	104.693.976	-	39.905.253.405
Khấu hao trong năm	529.992.803	1.770.205.886	110.341.364	2.765.142	-	2.413.305.195
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	7.488.964.584	31.305.397.654	3.416.737.244	107.459.118	-	42.318.558.600
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	9.811.954.716	3.218.740.816	-	2.765.142	-	13.033.460.674
Tại ngày 31/12/2016	9.281.961.913	1.448.534.930	3.461.027.727	-	-	14.191.524.570

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

34.365.683.273 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

- đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

- đồng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

26

16. Vay và nợ thuê tài chính

16.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>		4.280.658.175	4.280.658.175	1.700.000.000	2.748.266.800	3.232.391.375	3.232.391.375
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>							
Văn phòng công ty	(1)	2.520.658.175	2.520.658.175	-	1.808.266.800	712.391.375	712.391.375
Hiệu thuốc An Lão	(2)	500.000.000	500.000.000	200.000.000	200.000.000	500.000.000	500.000.000
Hiệu thuốc Thủy Nguyên	(3)	1.260.000.000	1.260.000.000	200.000.000	740.000.000	720.000.000	720.000.000
Chi nhánh Hà Nội	(4)	-	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng		4.280.658.175	4.280.658.175	1.700.000.000	2.748.266.800	3.232.391.375	3.232.391.375

(1): Khoản vay cá nhân Văn phòng Công ty có thời hạn vay: không kỳ hạn; lãi suất: không tính lãi, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(2): Khoản vay cá nhân Hiệu thuốc An Lão có thời hạn vay: 1 năm, lãi suất: 7,2%/năm, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(3): Khoản vay cá nhân Hiệu thuốc Thủy Nguyên có thời hạn vay: không kỳ hạn, lãi suất: 6%/năm, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(4): Khoản vay cá nhân Chi nhánh Hà Nội có thời hạn vay: không kỳ hạn; lãi suất: không tính lãi, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 71 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 03

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	30.000.000.000	4.655.903.683	3.000.000.000	33.412.259.366	19.714.937.893	90.783.100.942
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.386.845.304	9.386.845.304
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(3.017.421.130)	(3.017.421.130)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(368.975.442)	(368.975.442)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	30.000.000.000	4.655.903.683	3.000.000.000	33.412.259.366	25.715.386.625	96.783.549.674
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	12.928.218.846	12.928.218.846
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	(3.998.567)	(3.998.567)
Cộng	30.000.000.000	4.655.903.683	3.000.000.000	33.412.259.366	35.639.606.904	106.707.769.953

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

28



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO
BDO Audit Services Company Limited

Head office:

20th Floor, Icon 4 tower
243A De La Thanh St
Dong Da Dist Hanoi, Vietnam
Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
Email: bdo.hn@bdo.vn

Ho Chi Minh branch:

1st Floor, Indochina Park Tower
4 Nguyen Dinh Chieu Street
Dist 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (0)8 39110033
Fax: +84 (0)8 39117439
Email: bdo.hcm@bdo.vn

www.bdo.vn

BDO Audit Services Co., Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the InternationalBDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member Firms.